

Số: **249A/2021/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Huế, ngày 28 tháng 05 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 221/2021/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc: “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trương Minh H, sinh năm 1992; địa chỉ: 101 đường N, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Phan Thị Minh T, sinh năm 1993; địa chỉ: 101 đường N, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Minh H và chị Phan Thị Minh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018, đến năm 2020 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 18/9/2020. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay gây gổ nhau, anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Do mục đích hôn nhân không đạt, nên anh H và chị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh H và chị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trương Linh S, sinh ngày 28/01/2019 và Trương Hoàng T, sinh ngày 13/4/2020. Hai bên thỏa thuận giao cháu Trương Linh S cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; giao cháu Trương Hoàng T cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi .

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Minh H và chị Phan Thị Minh T tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trương Minh H và chị Phan Thị Minh T cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Minh H và chị Phan Thị Minh T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh H, chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002417 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Trương Minh H và chị Phan Thị Minh T đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 20 tháng 5 năm 2021), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Minh H và chị Phan Thị Minh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Trương Linh S, sinh ngày 28/01/2019 cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; giao cháu Trương Hoàng T, sinh ngày 13/4/2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi .

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Minh H và chị Phan Thị Minh T tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trương Minh H và chị Phan Thị Minh T cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Minh H và chị Phan Thị Minh T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh H, chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002417 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Trương Minh H và chị Phan Thị Minh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Huế;
- UBND xã P, huyện Phú Vang,
tỉnh TT Huế;
- (ĐKKH số 72 ngày 18/9/2020)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế